

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 9 – 2019

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Nguyễn Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:
Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Quành N, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 154, ấp C, xã V, huyện Đ, tỉnh S.

Bị đơn: Anh Lâm H, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện Đ, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lâm Thị Quành N trình bày:

Chị N với anh Lâm H kết hôn với nhau năm 2008 (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 25 tháng 02 năm 2008). Sau khi kết hôn chị N và anh H về sống bên nhà cha mẹ đẻ của chị N. Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc. Đến năm 2010, hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, nhậu nhệc, bê tha, không quan tâm đến vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh H bỏ về nhà cha mẹ đẻ sinh sống từ tháng 5/2010, hai người ly thân từ đó. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Trong quá trình chung sống chị N và anh H có một con chung tên Lâm Chí C, sinh ngày 21/3/2009 đang sống cùng chị N.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lâm H không có lời trình bày do vắng mặt

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 61/TB-TLVA ngày 01 tháng 4 năm 2019, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Lâm H nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Quảnh N. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với anh H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt anh H, không tiến hành hòa giải được và anh H cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị Quảnh N ly hôn với anh Lâm H. Về con chung: Giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh Lâm H và chị Lâm Thị Quảnh N đều vắng mặt nhưng nguyên đơn chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn anh H thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị N và anh H.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn chị Lâm Thị Quành N vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án cho ly hôn với anh Lâm H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị Quành N với anh Lâm H là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2010, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2010, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị N yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Lâm Chí C, sinh ngày 21/3/2009, đang sống cùng chị N. Về nguyên tắc việc trông nom, chăm sóc con chung là nghĩa vụ của cha mẹ. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, xét thấy chị N có đủ điều kiện nuôi con và con cũng có nguyện vọng sống cùng chị N nên yêu cầu này là có căn cứ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu nên anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị N yêu cầu nên chị N phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lâm Thị Quành N.

- Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Quành N được quyền ly hôn với anh Lâm H.

- Về con chung: Giao cháu Lâm Chí C, sinh ngày 21/3/2009 cho chị Lâm Thị Quành N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lâm H không phải cấp dưỡng cho con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lâm Thị Quành N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002989 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh S. Như vậy chị N đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã V;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng